TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày 09-01-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Minh Tân

2. Ông Hà Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Cán bộ TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2019/TLST- DS, ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949

Địa chỉ: Thôn 16, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần L - Luật sư Văn phòng luật sư V, chi nhánh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố T. Có mặt.

* *Bị đơn:* Chị Triệu Thị Q, sinh năm 1976

Trú tại: Tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Đinh L2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tầng G2, nhà B4 K, đường P, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Triệu G, sinh năm 1971

HKTT: Số nhà 7, tổ 7, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Tạm trú: Tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và bố mẹ chồng và mẹ đẻ chị Triệu Thị Q có chơi với nhau. Từ mối quan hệ này, bà có cho chị Q vay số tiền 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* với mục đích chị Q xây nhà, chị Q vay tiền vào ngày 08/8/2017, khi vay tiền chị Q có viết giấy vay tiền cho bà T, có bà Cao V là mẹ đẻ của chị Q ký bảo lãnh; thời hạn vay tiền là 03 tháng chị Q phải trả đủ cả gốc và lãi. Trong thời gian vay tiền, chị Q đã trả tiền lãi cho bà T được 03 tháng đầu với tổng số tiền là 9.000.000đồng *(Chín triệu đồng).* Sau đó chị Q không trả tiền cho bà T nữa. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu chị Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà T khoản tiền gốc là 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh tính từ tháng thứ tư sau ngày vay tiền cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng.

Bị đơn - chị Triệu Thị Q trình bày:

Chị không vay số tiền 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* của bà Nguyễn Thị T như bà T khởi kiện, giấy vay tiền mà bà T giao nộp cho Tòa án là do bà T đọc cho chị viết. Khoản tiền 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* viết trong giấy vay tiền thực ra là bà T cho chị Triệu Thị G là chị gái của chị Q vay nhưng chị Q là người viết giấy vay tiền. Hôm viết giấy vay tiền có bà Thủy, chị Q, chị G và bà Cao V là mẹ đẻ của chị G và chị Q chứng kiến. Dó đó, chị Q không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T và chị Q đề nghị Tòa án đưa chị Triệu Thị G tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Triệu Thị G trình bày:

Số tiền 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* mà bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chị Triệu Thị Q phải trả là không đúng. Số tiền này chị G là người vay trực tiếp của bà T, khi vay tiền bà T yêu cầu chị Q viết giấy vay tiền. Chị G và bà T có thỏa thuận trả lãi là 3.000.000đồng/tháng, khi bà T cho chị G vay tiền 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)*, bà T đã trừ luôn 03 tháng tiền lãi là 9.000.000đồng *(Chín triệu đồng).* Sau đó chị G đã trả tiếp cho bà T 03 lần tiền lãi (có 02 lần trả mỗi lần 6.000.000đồng *(Sáu triệu đồng)* và 01 lần trả 3.000.000đồng *(Ba triệu đồng))*, tổng cộng tiền lãi chị G đã trả cho bà T là 24.000.000đồng *(Hai mươi tư triệu đồng).* Nay bà T khởi kiện đối với chị Q, chị G không nhất trí, chị G yêu cầu bà T khởi kiện đối với chị và chị nhất trí trả tiền cho bà T số tiền gốc đã vay là 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Bà Cao V trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Triệu Thị Q và chị Triệu Thị G. Ngày 08/8/2017 tại gia đình bà, chị Q có trả tiền 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* cho bà T, nguồn gốc số tiền này là chị Q vay của anh T, nhưng hôm đó anh T không có mặt ở nhà bà mà giữa anh T, bà T và chị Q đã thỏa thuận với nhau như thế nào về việc chuyển trả khoản tiền này cho bà T. Ngay hôm đó, bà T cho chị G vay luôn 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* này nhưng bà T yêu cầu chị Q viết giấy vay tiền và bà V có ký vào giấy vay tiền ghi là người bảo lãnh. Bà V thấy, bà T khởi kiện chị Q là sai vì chị Q không được cầm số tiền này và hiện nay chị G vẫn nhận nợ với bà T; chị Q viết giấy vay tiền cho bà T cũng sai. Bà V vì nể mẹ con nên ký vào giấy vay tiền là người bảo lãnh, bà xác định bà không sử

dụng khoản tiền này và không liên quan gì đến việc vay tiền này nên bà đề nghị Tòa án không báo gọi bà đến tham gia tố tụng tại Tòa án, bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q và chị G có xuất trình 01 USB, theo chị Q trình bày: Trong nội dung USB là cuộc nói chuyện giữa bà T và chị Q về việc vay tiền do chị Q tự ghi âm bằng điện thoại, sau đó chị Q sao sang USB, tại phiên hòa giải ngày 02/10/2019 chị Q mở nội dung cuộc nói chuyện này, bà T và chị Q đều nhận giọng nói trong tài liệu trên là của bà T và chị Q, nhưng bà T xác định không nghe rõ nội dung, chị Q cho rằng, trong cuộc nói chuyện này bà T đã trả lời "ừ" khi chị Q hỏi về việc bà T cho chị G vay tiền và chị G đã trả tiền lãi cho bà T. Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ của các đương sự và chứng cứ khi giao nộp đến Tòa án. Chị Q, chị G nhất trí và đều có ý kiến về việc tự đi giám định âm thanh theo quy định của pháp luật và sẽ nộp lại kết luận giám định cho Tòa án. Tòa án cũng đã ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ và đã nhiều lần yêu cầu chị Q và chị G thực hiện việc giám định và giao nộp chứng cứ nhưng chị G và chị Q hẹn nộp trước ngày mở phiên tòa.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với chị Triệu Thị Q về việc yêu cầu chị Q phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* và tiền lãi suất tính từ ngày vay tiền 08/8/2017 đến ngày 08/8/2019 (24 tháng) với mức lãi suất 1%/tháng, trừ đi số tiền 9.000.000đồng *(Chín triệu đồng)* tiền lãi bà T đã nhận cùng ngày vay tiền.

Bị đơn chị Triệu Thị Q và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Q giữ nguyên ý kiến về việc chị không vay tiền của bà T mà số tiền bà T khởi kiện là chị G (chị gái chị Q) vay. Nguồn gốc của số tiền này xuất phát từ việc chị Q đến vay tiền của bà T nhưng bà T không có tiền cho vay nên giới thiệu đến anh T3 (chị Q không biết họ, tên đệm, địa chỉ của anh T3), chị Q có vay số tiền 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* của anh T3, sau đó anh T3 nợ tiền đất của bà T nên chuyển số tiền chị Q vay sang cho bà T, việc chuyển nợ này không có giấy tờ gì và chị Q, bà T cũng đồng ý. Ngày 08/8/2017 chị Q có vay số tiền 500.000.000đồng *(Năm trăm triệu đồng)* ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố T về và trả cho bà T số tiền 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* tại nhà của chị, hôm đó có chị, chị G và bà V (mẹ đẻ của chị) chứng kiến, bà T đã cho chị G vay luôn số tiền này nhưng yêu cầu chị Q viết giấy vay tiền, do hạn chế về mặt pháp luật nên chị cũng viết giấy vay tiền theo yêu cầu của bà T. Trong quá trình chị G vay tiền, chị G có nhờ đi đến trả tiền lãi cho bà T mấy lần. Chị Q yêu cầu triệu tập anh T3 đến làm chứng nhưng chị Q không cung cấp được họ, tên đệm, địa chỉ của anh T3; bà T và chị G cũng không biết anh T3 ở đâu và ngày vay tiền anh T3 cũng không có mặt chứng kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị G giữ nguyên ý kiến về việc chị nhận trách nhiệm trả nợ số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* cho bà T vì

chị là người vay tiền của bà T nhưng hiện tại hoàn cảnh của chị khó khăn nên chị chưa có tiền để trả cho bà T. Chị G trình bày trong thời gian vay tiền của bà T chị cũng đã trả 03 lần tiền lãi cho bà T, cụ thể: 02 lần trả tiền mỗi lần trả 6.000.000đồng *(Sáu triệu đồng)*, 01 lần trả 3.000.000đồng *(Ba triệu đồng)* và 9.000.000đồng *(Chín triệu đồng)* trả luôn hôm vay tiền, tổng cộng tiền lãi chị G đã trả cho bà T là 24.000.000đồng *(Hai mươi tư triệu đồng)*, chị G không nộp tài liệu, chứng gì gì về việc vay, trả tiền giữa chị và bà T. Bà T không đồng ý với ý kiến của chị G.

Tại phiên tòa, bị đơn xuất trình 01 Hợp đồng tín dụng ngày 08/8/2017 (bản phô tô) được ký kết giữa chị Triệu Thị Q với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố T với nội dung Ngân hàng cho chị Q vay số tiền 500.000.000đồng *(Năm trăm triệu đồng)* với mục đích xây sửa nhà và 01 tờ giấy A4 có các dòng chữ đánh máy, không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào xác nhận (theo lời trình bày của chị Q, đây là bản dịch cuộc thoại mà chị ghi âm được cuộc nói chuyện giữa chị và bà T để chứng minh bà T đã nhận chị G là người vay tiền và bà T đã nhận tiền lãi), nội dung này bà T đã nhận là giọng nói của bà T tại phiên hòa giải nên không phải giám định

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chị Triệu Thị Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền gốc 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng);* tiền lãi 11.430.000đồng. Tổng cộng là 111.430.000đồng *(Một trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Chị Triệu Thị Q phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 5.571.000đồng (*Năm triệu năm trăm bảy mốt nghìn đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Ngày 08/8/2017 chị Triệu Thị Q viết giấy vay tiền của bà Nguyễn Thị T với số tiền vay 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng).* Thời hạn vay tiền là 03 tháng kể từ ngày viết giấy vay tiền. Quá thời hạn trên, chị Q không thanh toán tiền cho bà T, ngày 13/6/2019 bà T gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự đến Tòa án. Như vậy, việc bà T khởi kiện đối với chị Q là nằm trong thời hiệu khởi kiện về hợp đồng theo Điều 429 Bộ luật dân sự.

Theo nội dung tại giấy vay tiền thể hiện, giữa bà T và chị Q đã thỏa thuận cho nhau vay tài sản là tiền và thỏa thuận về thời hạn trả tiền. Như vậy, Giấy vay tiền này là hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật dân sự. Do đó tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chị Triệu Thị Q thanh toán cho bà T số tiền gốc đã vay là 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* và tiền lãi suất tính từ ngày vay tiền 08/8/2017 đến ngày 08/8/2019 (24 tháng) với mức lãi suất 1%/tháng, trừ đi số tiền 9.000.000đồng *(Chín triệu đồng)* tiền lãi bà T đã nhận cùng ngày vay tiền.

HĐXX thấy, theo giấy vay tiền ghi ngày 08/8/2017, người viết giấy và ký nhận là chị Triệu Thị Q. Chị Q cũng đã trình bày chị là người viết giấy vay tiền của bà T, theo nội dung ghi trong giấy này số tiền vay là 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)*, thời hạn vay tiền là 03 tháng. Đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án này vì các bên đã đều thừa nhận. Tuy nhiên, chị Q cho rằng: Chị viết giấy này là do bà T đọc cho chị viết và chị không vay của bà T số tiền này mà chị Triệu Thị G là chị gái của chị vay số tiền này của bà T nhưng bà T yêu cầu chị Q viết giấy vay tiền. Vì vậy, chị không nhất trí trả số tiền này cho bà T mà bà T phải kiện đòi tiền của chị G.

Về việc vay tiền, ngoài bà T là người cho vay tiền, chỉ có chị Q, chị G (chị gái chị Q) và bà Cao V (là mẹ đẻ của chị Q) chứng kiến, ngoài ra không có ai và cũng không có tài liệu, chứng cứ gì. Việc vay tiền thực hiện tại nhà chị Q, chị Q xác nhận không bị hạn chế về năng lực nhận thức và năng lực hành vi dân sự, vì vậy xác định việc chị viết giấy theo yêu cầu của bà T là không có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Q có xuất trình 01 chiếc USB mà chị Q trình bày trong đó có nội dung chị tự ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị với bà T, chị Q cho rằng trong cuộc nói chuyện này bà T đã thừa nhận là cho chị G vay tiền. Tại phiên hòa giải bà T có trình bày giọng nói trong cuộc ghi âm là của bà T nhưng không rõ nội dung là gì. Tòa án đã giải thích quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về chứng cứ và yêu cầu chị Q thực hiện theo quy định của pháp luật. Chị Q và chị G đều đã có ý kiến về việc tự thực hiện việc giám định giọng nói, âm thanh để giao nộp cho Tòa án, đã nhiều lần chị Q, chị G cam kết sẽ giao nộp tài liệu, chứng cứ này để chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ và hợp pháp nhưng chị Q, chị G vẫn không thực hiện. Do đó chị Q phải chịu hậu quả của việc không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Triệu Thị G có trình bày và nhận chị là người trực tiếp vay tiền của bà Nguyễn Thị T nên chị nhận trách nhiệm trả tiền cho bà T nhưng bà T không nhất trí, bà T vẫn khẳng định bà cho chị Triệu Thị Q vay tiền nên bà khởi kiện chị Q mà bà T không khởi kiện chị G, bà có quen biết chị G nhưng trong việc vay tiền này chị G không liên quan. Chị G cũng không có tài liệu, chứng cứ gì giao nộp để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

Do đó, HĐXX thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chị Triệu Thị Q thanh toán số tiền gốc 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng)* là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu trả tiền lãi: Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày, cùng ngày vay tiền (08/8/2017) nguyên đơn đã nhận 03 tháng tiền lãi với số tiền là 9.000.000đồng *(Chín triệu đồng).* Chị G cho rằng chị đã trả cho bà T tổng số tiền lãi là 24.000.000đồng (04 lần: lần 1 đưa 9.000.000đồng; lần 2 đưa 6.000.000đồng, lần 3 đưa 6.000.000đồng và lần 4 đưa 3.000.000đồng), bà T chỉ thừa nhận đã nhận số tiền lãi đưa lần thứ nhất, còn những lần sau bà T không nhận, chị Q và chị G cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét chấp nhận số tiền lãi như chị G trình bày (của lần 2, 3, 4).

HĐXX thấy, đối với khoản tiền lãi bà T đã nhận là 9.000.000đồng của 03 tháng đầu tính từ ngày vay số tiền 100.000.000đồng (ngày 08/8/2017), như vậy tiền lãi bà T tính theo mức 3%/tháng. Mức lãi suất này vượt quá quy định của Bộ luật dân sự nên không được chấp nhận và cần xem xét tính lại cho phù hợp. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu tính lại tiền lãi theo mức 1%/tháng tính từ ngày vay tiền (08/8/2017) cho đến ngày 08/8/2019 là 24 tháng và trừ đi số tiền lãi mà bà T đã nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực, tiền lãi được xác định bằng 20%/năm của khoản tiền vay. Tuy nhiên bà T yêu cầu tính lãi theo mức 1%/tháng, vậy từ 08/8/2017 đến 08/11/2017 là 03 tháng x 100.000.000đồng x 1%/ tháng = 3.000.000đồng (còn dư 6.000.000đồng).

Sau 3 tháng trả tiền lãi, chị Q và chị G trình bày vẫn tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận nhưng bà T không thừa nhận, các bên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bà T trình bày do tuổi cao nên không nhớ mức lãi suất thỏa thuận với nhau như thế nào. Như vậy, đây là trường hợp có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (10%/năm của khoản tiền vay) tại thời điểm trả nợ, cụ thể tính từ ngày 08/11/2017 đến 08/8/2019 là 21 tháng x 100.000.000đồng x 0,83%/tháng = 17.430.000đồng, trừ đi số tiền còn dư 6.000.000đồng, số tiền lãi còn lại là 11.430.000đồng.

Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi mà chị Q phải thanh toán cho bà T là 111.430.000đồng *(Một trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).*

Trường hợp chị Q chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Về yêu cầu triệu tập người làm chứng (là anh T3) của bị đơn: HĐXX thấy căn cứ lời khai của các đương sự và người làm chứng (bà Cao V) đều xác định, khi chị Q viết giấy vay tiền của bà T không có mặt anh T3, cũng như việc chị Q trả tiền vay trước đó cho bà T (như chị Q trình bày) anh T3 cũng không chứng kiến; các đương sự cũng đều không biết họ, tên đệm và địa chỉ của anh T3 ở đâu nên không có căn cứ xem xét.

Đối với các tài liệu do chị Q xuất trình tại phiên tòa là bản hợp đồng tín dụng phô tô và bản dịch ghi âm không có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào chưa đủ điều kiện để xác định là chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Chị Triệu Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thủy được Toà án chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

V*ì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; 147, 161, 162, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T.

- Buộc chị Triệu Thị Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng);* tiền lãi 11.430.000đồng. Tổng cộng là 111.430.000đồng *(Một trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Triệu Thị Q phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 5.571.000đồng (*Năm triệu năm trăm bảy mốt nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện theo ủy quyền của đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án; Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang